**TUẦN 5**

**BÀI 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Lâm nghiệp:**

**1. Tài nguyên rừng:**

- Tài nguyên rừng đang bị cạn kiệt. Năm 2000, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng chiếm tỉ lệ thấp (gần 11,6 triệu ha) tài nguyên nhân chủ yếu do con người khai thác bừa bãi.

- Rừng nước ta gồm có: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Trong đó diện tích chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

+ Rừng sản xuất chủ yếu ở miền núi thấp và trung du, có vai trò cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Rừng phòng hộ phân bố ở đầu nguồn các con sông hoặc các vùng ven biển có tác dụng hạn chế thiên tai, lũ lụt, chắn cát, chắn sóng…

+ Rừng đặc dụng là các vườn quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên (Vườn quốc gia: Cúc Phương, Cát Bà, Ba Bể, Cát Tiên…).

**2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp:**

- Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản được phát triển gắn với các vùng nguyên liệu.

- Hiện nay, mô hình nông - lâm kết hợp đang được phát triển góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống cho nhân dân.

- Để bảo vệ tài nguyên rừng cần khai thác hợp lý kết hợp với trồng mới và bảo vệ rừng.

**II. [Ngành thủy sản](https://vndoc.com/giai-bai-tap-sgk-dia-ly-lop-9-bai-9-su-phat-trien-va-phan-bo-lam-nghiep-va-thuy-san-129124):**

Có ý nghĩa to lớn về kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển của nước ta.

**1. Nguồn lợi thủy sản:**

**a) Thuận lợi:**

+ Nước ta có nhiều ngư trường lớn thuận lợi cho đánh bắt thủy sản.

Bốn ngư trường trọng điểm là: Cà Mau – Kiên Giang, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng Sa – Trường Sa.

+ Ven biển có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn, vũng, vịnh và nhiều đảo thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

+ Nước ta còn có nhiều sông, hồ… có thể nuôi cá, tôm nước ngọt.

**b) Khó khăn:**

+ Ảnh hưởng của thiên tai như bão, gió mùa đông bắc.

+ Nhiều vùng biển bị suy thoái, nguồn lợi thủy sản suy giảm.

+ Quy mô ngành thủy sản còn nhỏ, thiếu vốn đầu tư.

**2. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản:**

**a) Khai thác thủy sản:**

+ Sản lượng tăng khá nhanh, chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và công suất tàu.

+ Phát triển nhất ở vùng duyên hải NamTrung Bộ và Nam Bộ. Các tỉnh dẫn đầu là Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận.

**b) Nuôi trồng thủy sản:**

+ Phát triển nhanh, đặc biệt là nuôi tôm, cá; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

+ Các tỉnh dẫn đầu là Cà Mau, An Giang, Bến Tre.

+ Nuôi trồng thủy sản có tốc độ tăng nhanh hơn khai thác.

Hiện nay, sản xuất thủy sản phát triển mạnh mẽ, xuất khẩu thủy sản tăng vượt bậc, thị trường mở rộng.

….…………………………………………………………………………………………

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập1 trang 37 SGK: Hãy xác định trên hình 9.2 các vùng phân bố rừng chủ yếu.*****

*****Trả lời:*****

- Tây Nguyên.

- Bắc Trung Bộ.

- Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Đông Nam Bộ.

*****Bài tập 2.trang 37 SGK: Hãy xác định trên hình 9.2 các tỉnh trọng điểm nghề cá.*****

*****Trả lời:*****

Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ (dẫn đầu là các tỉnh, Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận).

*****Bài tập 3 trang 37 SGK: Căn cứ vào bảng 9.2 (trang 37 SGK), hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn sản lượng thuỷ sản của các năm 1990 và 2002.*****

*****Hướng dẫn:*****

Vẽ biểu đồ cột ghép: Có hai nhóm cột trên biểu đồ. Một nhóm của năm 1990 và một nhóm của năm 2002. Mỗi nhóm có hai cột, một cột thể hiện sản lượng thuỷ sản khai thác và một cột thể hiện sản lượng thuỷ sản nuôi trồng. Chiều cao của mỗi cột ứng với giá trị của sản lượng thuỷ sản khai thác hay thuỷ sản nuôi trồng của từng năm. Chú ý, lấy tỉ lệ phù hợp với tờ giấy vẽ (Ví dụ: Ứng với 400 tấn = lcm).

- Trục hoành thể hiện năm (hai năm 1990 và 2002), trục tung thể hiện giá trị sản lượng (nghìn tấn).

- Tên biểu đồ là: Biểu đồ sản lượng thuỷ sản năm 1990 và 2002.

………………………………………………………………………………………………

**BÀI 10: THỰC HÀNH VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY, SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM.**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**Bài 1: Hướng dẫn (HS tự học)**

**a) Vẽ biểu đồ:**

- Tính toán, chuyển bảng số liệu sang %. Từ bảng số liệu % vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây.

- Vẽ hai hình tròn, bán kính theo quy ước của SGK. Trong mỗi hình tròn, các nhóm cây được thể hiện bằng các hình quạt có kí hiệu khác nhau.

- Biểu đồ có tên và bảng chú giải thích hợp.

**b) Nhận xét:**

- Về sự thay đổi quy mô diện tích: Căn cứ vào bảng số liệu tuyệt đối đã cho, chỉ ra nhóm thay đổi nhiều nhất, nhóm thay đổi ít nhất từ năm 1990 đến 2000.

Giải thích.

- Về sự thay đổi tỉ trọng diện tích gieo trồng: Căn cứ vào biểu đồ đã vẽ, chỉ ra nhóm thay đổi nhiều nhất, nhóm thay đổi ít nhất từ năm 1990 đến 2000.

Giải thích.

**Bài 2: Hướng dẫn**

**a) Vẽ biểu đồ:**

- Vẽ hệ trục toạ độ, trục tung thể hiện giá trị 100%, trục hoành thể hiện năm.

- Vẽ 4 đường tương ứng với tốc độ tăng của trâu, bò, lợn, gia cầm (có kí hiệu khác nhau). Cả 4 đường đều xuất phát từ một điểm trên trục tung (điểm xuất phát là 100%).

- Có tên biểu đồ và bản chú giải thích hợp.

**b) Giải thích:**

- Đàn gia cầm và đàn lợn tăng nhanh nhất: Thịt lợn và gia cầm là thực phẩm chính của nhân dân. Do nhu cầu về thực phẩm của người dân tăng nhanh nên đàn gia cầm và đàn lợn tăng nhanh. Mặt khác, nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi rộng rãi hai loại này.

- Đàn trâu không tăng: Trâu được nuôi chủ yếu để lấy sức kéo và phân bón. Do cơ giới hoá và hoá học hoá trong nông nghiệp ngày càng được tăng cường nên trâu được nuôi ít đi.

**Dặn dò:**

**- Học bài 9 và 10.**

**- Làm các bài tập ở cuối bài.**

**- Đọc trước bài 11 và 12.**

................................................................................................................................................

**TUẦN 6**

**BÀI 11: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Các nhân tố tự nhiên:**

- Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, tạo cơ sở để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.

- Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

+ Khoáng sản phong phú: nhiên liệu (than, dầu khí), kim loại (sắt, thiếc..), phi kim loại (apaatit. pirit), vật liệu xây dựng (sét, đá vôi) thuận lợi phát triển công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng.

+ Nguồn thủy năng có trữ lượng lớn -> phát triển thủy điện.

+ Tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật thuận lợi cho sự phát triển nông – lâm – ngư nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

=> Sự phân bố tài nguyên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng.

**II. Các nhân tố kinh tế - xã hội:**

Sự phát triển và phân bố công nghiệp phụ thuộc mạnh mẽ vào các nhân tố kinh tế - xã hội.

**1. Dân cư và lao động:**

- Dân số nước ta đông nên thị trường tiêu thụ lớn.

- Nguồn lao động dồi dào, có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.

=> Điều kiện để phát triển các ngành [công nghiệp](https://vndoc.com/giai-bai-tap-sbt-dia-ly-9-bai-11-cac-nhan-to-anh-huong-den-su-phat-trien-va-phan-bo-cong-nghiep-137877)cần nhiều lao động và công nghệ cao, thu hút đầu tư nước ngoài.

**2. Cơ sở vật chất – kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng:**

- Hạn chế:

+ Trình độ công nghệ còn thấp.

+ Cơ sở vật chất kĩ thuật chưa đồng bộ và chỉ phân bố tập trung ở một số vùng.

- Cơ sở hạ tầng, giao thông, bưu chính, điện năng đang từng bước được cải thiện.

**3. Chính sách phát triển công nghiệp:**

- Chính sách công nghiệp hoá và đầu tư phát triển công nghiệp.

- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế và chính sách kinh tế đối ngoại.

**4. Thị trường:**

- Thị trường trong nước khá rộng lớn, nhưng đang bị cạnh tranh quyết liệt bởi hàng ngoại nhập.

- Nước ta có những lợi thế nhất định trong xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển, nhưng còn hạn chế về mẫu mã, chất lượng.

- Sức ép của thị trường đã và đang làm cho cơ cấu công nghiệp trở nên đa dạng, linh hoạt hơn.

….…………………………………………………………………………………………

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập 1 trang 41 SGK: Hãy sắp xếp các nhân tố tự nhiên và kinh tế - xã hội (được nêu trong bài) tương ứng vào các yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.*****

*****Trả lời:*****

- Các yếu tố đầu vào:

+ Nguyên, nhiên liệu, năng lượng (có thể là các tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu từ nông, lâm, ngư nghiệp hay bán thành phẩm, các chi tiết sản phẩm,... từ các ngành công nghiệp khác, các cơ sở công nghiệp khác).

+ Lao động.

+ Cơ sở vật chất - kĩ thuật.

- Các yếu tố đầu ra:

+ Thị trường trong nước (tiêu dùng của nhân dân, các ngành công nghiệp, các cơ sở công nghiệp có liên quan).

+ Thị trường ngoài nước.

- Yếu tố chính sách tác động đến cả đầu vào, đầu ra, vì vậy có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

*****Bài tập 2 trang 41 SGK: Hãy phân tích ý nghĩa của việc phát triển nông, lâm, ngư nghiệp đối với ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.*****

*****Trả lời:*****

Việc phát triển nông, lâm, thuỷ sản tạo cơ sở nguyên liệu cho phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

Ví dụ:

- Ngành trồng trọt: Lương thực là cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp xay xát. Mía là nguyên liệu cho công nghiệp đường mía. Chè là cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất chè. Cà phê là cơ sở nguyên liệu cho sản xuất cà phê,...

- Ngành chăn nuôi: Các cơ sở chăn nuôi cung cấp thịt để sản xuất thịt hộp, lạp xường, xúc xích; cung cấp sữa để sản xuất sữa hộp, bơ, pho mát,...

- Ngành nuôi trồng thuỷ sản: Cung cấp tôm, cá để đóng hộp, đông lạnh; cung cấp cá để chế biến nước mắm,...

................................................................................................................................................**BÀI 12: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Cơ cấu ngành [công nghiệp](https://vndoc.com/giai-bai-tap-sbt-dia-ly-9-bai-12-su-phat-trien-va-phan-bo-cong-nghiep-137878):**

- Cơ cấu ngành đa dạng với nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.

- Các ngành trọng điểm là những ngành chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản lượng công nghiệp, phát triển dựa trên thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động.

- Bao gồm: khai thác nhiên liệu, điện, cơ khí, điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, dệt may.

**II. Các ngành công nghiệp trọng điểm:**

**1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu**:

**a) Khai thác than:**

+ Sản lượng khai thác: 15 – 20 triệu tấn/năm.

+ Chủ yếu khai thác lộ thiên, còn lại là khai thác hầm lò.

+ Phân bố chủ yếu ở Quảng Ninh.

**b) Khai thác dầu khí:**

+ Đã khai thác hàng trăm triệu tấn và hàng tỉ m3 khí.

+ Là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta.

+ Phân bố ở thềm lục địa phía Nam.

**2. Công nghiệp điện:**

- Sản lượng điện tăng lên nhanh.

- Các nhà máy thủy điện lớn: Sơn La (công suất lớn nhất: 2400 MW), Hòa Bình, Y-a-ly, Trị An,..

- Nhà máy nhiệt điện chạy bằng khí (Phú Mỹ) và chạy bằng than (Phả Lại).

**3. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm:**

- Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.

- Các phân ngành chính:

+ Chế biến sản phẩm trồng trọt.

+ Chế biến sản phẩm chăn nuôi.

+ Chế biến thủy sản.

- Phân bố rộng khắp cả nước, tập trung nhất ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Biên Hòa, Đà Nẵng.

**4. Công nghiệp dệt may:**

- Là ngành sản xuất hàng tiêu dùng quan trọng, dựa trên ưu thế về nguồn lao động rẻ.

- Là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta.

- Các trung tâm dệt may lớn nhất: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định…

**III. Các trung tâm công nghiệp lớn:**

- Hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất cả nước là Đông Nam Bộ và Đồng Bằng Sông Hồng.

- Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

….…………………………………………………………………………………………

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập 1 trang 47 SGK: Hãy chứng minh rằng cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng.*****

*****Trả lời:*****

- Hệ thống công nghiệp nước ta gồm có các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

- Có đầy đủ các ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực.

- Một số ngành công nghiệp trọng điểm đã được hình thành: Khai thác nhiên liệu, điện; cơ khí, điện tử; hoá chất; vật liệu xây dựng; lương thực, thực phẩm; dệt may.

*****Bài tập 2 trang 47 SGK: Dựa vào hình 12.3, hãy xác định các trung tâm công nghiệp tiêu biểu cho các vùng kinh tế ở nước ta.*****

*****Trả lời:*****

- Trung du và miền núi Bắc Bộ: Hạ Long, Thái Nguyên, Việt Trì.

- Đồng bằng sông Hồng: Hà Nội, Hải Phòng.

- Bắc Trung Bộ: Thanh Hoá, Vinh, Huế.

- Duyên hải Nam Trung Bộ: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.

- Đông Nam Bộ: TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Vũng Tàu.

- Đồng bằng sông Cửu Long: Cần Thơ.

**Dặn dò:**

**- Học bài 11 và 12.**

**- Làm các bài tập ở cuối bài.**

**- Đọc trước bài 13 và 14.**

………………………………………………………………………………………………